

Bản án số: 55/2022/HS-ST

Ngày 14-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Huỳnh Thanh Trà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

TRẦN ĐÌNH D, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 03/5/1985 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Phòng 401, chung cư 4B đường, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 10/12.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Con ông: Trần Ngọc L (sinh năm 1930) và bà Đặng Thị Th (sinh năm 1946) đều đã chết. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2. Bị cáo có vợ bà là Trần Thị Thanh Th1 (sinh năm 1983) và hai con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 13 ngày 09.3.2013 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt Trần Đình D 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Quyết định số 1332 ngày 24.02.2004 của UBND thành phố Đà Nẵng tập trung Trần Đình D vào Trung tâm GD-DN 05-06 để cai nghiện, thời gian 18 tháng.

- Quyết định số 9160 ngày 31.11.2005 của UBND thành phố Đà Nẵng tập trung Trần Đình D vào Trung tâm GD-DN 05-06 để cai nghiện, thời gian 36 tháng.

- Quyết định số 652 ngày 12.01.2008 của UBND thành phố Đà Nẵng tập trung Trần Đình D vào Trung tâm GD-DN 05-06 để cai nghiện, thời gian 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/02/2022; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23.02.2022, Trần Đình D điều khiển xe mô tô BKS 43S9-0777 từ chỗ ở tại chung cư 4B đường C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng đến kiệt số 424 đường Ô, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng tìm gặp Na (*chưa xác định lai lịch*) mua 01 gói ma túy đá với giá 800.000 đồng để sử dụng. D cất giấu gói ma túy trên vào trong quần lót đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến đường M, quận H, thành phố Đà Nẵng để tìm Th2 (*chưa xác định lai lịch*) giải quyết việc cá nhân. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi D đang điều khiển xe đi đến trước nhà số 30 đường M, quận H, thành phố Đà Nẵng thì bị Lực lượng Phòng chống ma túy và tội phạm Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ của Trần Đình D gồm:

- 01 gói ni lông kích thước (3x3,5)cm chứa tinh thể rắn màu trắng, niêm phong ký hiệu “G1”.

- 01 ĐTDĐ Samsung màu đen, số Imei 352158092319672, gắn sim số 0907.162.552 và 0935.332.130.

Những vật chứng nêu trên và ma túy còn lại sau giám định được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu chờ xử lý trong giai đoạn xét xử.

- 01 xe mô tô Attila màu đen, BKS 43S9-0777, số khung VT2333, số máy D035846. Trần Đình D khai mua của Đ (*chưa xác định lai lịch*) làm nghề sửa xe ở đường T, thành phố Đà Nẵng vào năm 2020 nhưng chưa làm giấy tờ sang tên, giấy tờ xe D đã làm mất. Kết quả điều tra xe này do bà Đặng Thị L đứng tên chủ sở hữu, nhưng hiện nay không còn tồn tại địa chỉ này và chưa xác định được lai

lịch bà L. Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã ra Thông báo tìm người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến chiếc xe trên nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Lúc 22 giờ 37 phút cùng ngày, Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Đình D tại Phòng 401, chung cư 4B đường C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Theo Kết luận giám định số 30/GĐ-MT ngày 28.02.2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Tinh thể rắn màu trắng trong mẫu niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu A: 0,337 gam.

Kết quả xét nghiệm, D dương tính với ma túy.

Quá trình điều tra, Trần Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Đình D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xử phạt bị cáo Trần Đình D mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô Attila màu đen, BKS 43S9-0777, số khung VT2333, số máy D035846 đang được Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu điều tra, tìm chủ sở hữu xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý tang vật vụ án: Tịch thu và tiêu hủy Mẫu vật là ma túy hoàn trả sau giám định; Trả lại cho bị cáo: 01 ĐTDĐ Samsung màu đen, số Imei 352158092319672, gắn sim số 0907.162.552 và 0935.332.130.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23.02.2022, tại trước nhà số 30 đường M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Lực lượng Biên phòng Cửa khẩu Cảng

Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang Trần Đình D có hành vi tàng trữ trái phép 0,337 gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng.

[2] Hành vi của Trần Đình D là mua ma túy về sử dụng cho bản thân, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy nên cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người trưởng thành, là những thanh niên có sức khỏe, đang trong độ tuổi lao động, đáng lẽ ra các bị cáo phải ý thức được mình nên làm những gì để có ích cho gia đình. Bản thân bị cáo là người đã có gia đình, có nhân thân xấu, từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 03 lần đi cai nghiện nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân tốt, người chồng người cha có ích mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Riêng về ma túy Nhà nước đã có chính sách quản lý độc quyền nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử phạt, cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo có mẹ được Nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến hạng 3. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng là ma túy hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 30/GĐ-MT, ngày 28 tháng 02 năm 2022 có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với 01 ĐTDĐ Samsung màu đen, số Imei 352158092319672, gắn sim số 0907.162.552 và 0935.332.130 là điện thoại của bị cáo D, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô Attila màu đen, BKS 43S9-0777, số khung VT2333, số máy D035846. Trần Đình D khai mua của Đ làm nghề sửa xe ở đường T, thành phố Đà Nẵng vào năm 2020 nhưng chưa làm giấy tờ sang tên, giấy tờ xe D đã làm mất. Kết quả điều tra xe này do bà Đặng Thị L đứng tên chủ sở hữu, nhưng hiện nay không còn tồn tại địa chỉ này và chưa xác định được lai lịch bà L. Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã ra Thông báo tìm người có quyền

và nghĩa vụ liên quan đến chiếc xe trên nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau đang được Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu điều tra, tìm chủ sở hữu xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

[8] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố Trần Đình D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/02/2022.

II. Xử lý vật chứng:

1. Áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01(một) bì niêm phong số 30/GĐ-MT, ngày 28 tháng 02 năm 2022 có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng;

2. Áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo Trần Đình D 01 ĐTDĐ Samsung màu đen, số Imei 352158092319672, gắn sim số 0907.162.552 và 0935.332.130.

Các vật chứng nói trên Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng hiện đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 6 năm 2022.

III. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Đình D phải chịu 200.000đ.

IV. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Cơ quan THAHS quận Hải Châu;
- Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà